TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2019/DS-ST
Ngày: 21 - 11 - 2019
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Khánh Long.

2. Bà Nguyễn Huỳnh Hoa.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên Tòa***: Ông Lý Đêm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2019/TLST-DS, ngày 20 tháng 02 năm 2019 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Hà Nh, sinh năm 1975 (Có mặt).

Địa chỉ: Nhà không số khóm C, phường K, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Bà Chiêm Thị P, sinh năm 1992 (Có mặt).

Địa chỉ: Nhà không số Khóm S, Phường A, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người làm chứng*:

1. Ông Trịnh Văn C, sinh năm 1989 (Có mặt).

Địa chỉ: Nhà không số ấp Â, xã V, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

2. Em Chiêm Hoàng T (nam) sinh ngày 12/12/2004 (Có mặt)

Địa chỉ: Nhà không số Khóm S, Phường A, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng

-

Người đại diện của em Chiêm Hoàng T là chị Chiêm Thị P - Là chị ruột của em T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/02/2019 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Hà Nh trình bày:

Vào năm 2017, bà Nh có cho bà Chiêm Thị P vay tiền cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Ngày 18/01/2017 (âl) cho bà P vay 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), lãi suất 5%/tháng, thời hạn thanh toán trong vòng 1 tháng kể từ ngày vay.

- Lần thứ hai: Ngày 28/01/2017 (âl) cho bà Pến vay 10.000.000đ (mười triệu đồng), lãi suất 5%/tháng, thời hạn thanh toán trong vòng 1 tháng kể từ ngày 18/01/2017.

Mục đích vay là để bà P đầu tư mua sắt thép về bán, bà Nh trực tiếp đưa tiền cho bà P, không làm giấy tờ, chỉ thỏa thuận bằng lời nói với nhau. Đến khoảng 1 tháng sau, bà P ký vào sổ của bà Nh để theo dõi. Ngày 01/7/2017 (al), khi bà Nh đến đòi tiền, chồng của bà P hứa đến ngày 18/7/2017 sẽ trả dùm cho bà P 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Tuy nhiên, đến ngày 18/7/2017 bà P trực tiếp đến trả tiền cho bà Nh nhưng chỉ trả được 10.000.000đ (mười triệu đồng) và đó là tiền nợ hụi chứ không phải tiền vay nêu trên. Ngoài ra, trong suốt thời gian vay đến nay, bà P chưa trả tiền lãi cho bà Nh như thỏa thuận ban đầu.

Nay, bà Nh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà P phải trả cho bà Nh toàn bộ số nợ vay nêu trên là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), tại Phiên tòa bà Nh không yêu cầu bà P trả lãi mà chỉ yêu cầu trả vốn gốc.

Tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp là Bản sao Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình của bà Nguyễn Hà Nh; Đơn yêu cầu hòa giải về việc tranh chấp đòi nợ vay tài sản của bà Nguyễn Hà Nh gởi Tổ hòa giải Khóm S, Phường A, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng đề ngày 19/12/2017; Biên bản hòa giải về việc tranh chấp nợ vay của Tổ hòa giải Khóm S, Phường A, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng đề ngày 30/12/2017; 02 Đơn xác nhận nơi cư trú của bà Nguyễn Hà Nh về việc chưa được cấp số nhà của bà Nh và bà Chiêm Thị P.

Tại biên bản hòa giải ngày 11/7/2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Chiêm Thị P trình bày: Đúng là bà P có vay tiền

của bà Nh là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) nhưng không phải 2 lần vào ngày tháng như bà Nh trình bày mà là 4 lần với thời điểm như sau như sau:

- Lần thứ nhất khoảng tháng 3/2017 (al) vay 10.000.000đ (mười triệu đồng), lãi suất 30%/tháng, tức là mỗi ngày đóng 100.000đ (một trăm nghìn đồng) tiền lãi.

- Lần thứ hai cách lần đầu 2 tháng, vay 10.000.000đ (mười triệu đồng), lãi suất 30%/tháng, tức là mỗi ngày đóng 100.000đ (một trăm nghìn đồng) tiền lãi.

- Lần thứ 3 cách khoảng 3 tháng, vay 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), lãi mỗi tháng là 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

- Lần thứ tư không nhớ lúc nào, nhưng đây là tiền hụi bà P còn nợ của bà Nh, cộng lại là 10.000.000đ (mười triệu đồng) không có khả năng đóng hụi chết nên bà Nh cộng lại thành tiền vay.

Trong số tiền nợ 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), bà P đã đóng lãi được tổng cộng là 104.000.000đ (một trăm lẻ bốn triệu đồng). Đến tháng 5/2018 bà P kẹt tiền nên không đóng lãi cho bà Nh nữa, nên bà Nh mới đến nhà gặp chồng bà P đòi nợ, chồng bà P hứa 2 tuần sau sẽ trả 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) nhưng do không có nên đến hạn bà P chỉ trả cho bà Nh được 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Nay, bà P thừa nhận chỉ còn nợ của bà Nh là 40.000.000đồng. Tuy nhiên, do bà P đã đóng lãi quá nhiều nên không đồng ý trả nợ cho bà Nh nữa.

Tại biên bản lấy lời khai quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa hôm nay người làm chứng là anh Trịnh Văn C cùng trình bày: Khoảng năm 2016, anh C làm công cho bà P, khi quen việc được khoảng vài tháng thì bà P hay nhờ anh C mỗi tuần một lần đem tiền giao cho bà Nh, số tiền trung bình khoảng từ 3.000.000đồng đến 3.900.000đồng nhưng không nhớ đã giao tổng cộng bao nhiêu tiền, tiền gì và lúc đưa tiền cho bà Nh, anh C cũng không yêu cầu bà Nh ký nhận.

Tại biên bản lấy lời khai quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa hôm nay người làm chứng là em Chiêm Hoàng T cùng trình bày: Em T là em ruột của bà P, khoảng thời gian em học lớp 6, lớp 7 thì chị của em là bà P đưa tiền kêu em đưa cho bà Nh, khoảng hơn 10 lần, mỗi lần hơn 3.000.000đồng nhưng em không nhớ chính xác, toàn bộ những lần này em đều đưa đủ cho bà Nh. Số tiền này theo như em biết là tiền lãi do bà P vay của bà Nh nên phải trả lãi tuần.

Chứng cứ Tòa án thu thập được là các: Biên bản lấy lời khai bà Chiêm Thị P, anh Trịnh Văn C, em Chiêm Hoàng T; bản pho to Sổ ghi chép của bà Nguyễn Hà Nh.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ tranh chấp. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Chiêm Thị P có trách nhiệm trả nguyên đơn số tiền vay là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), ghi nhận ý kiến tự nguyện của bà Nh về việc không yêu cầu tính lãi suất; quyết định về nghĩa vụ chịu án phí đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Hà Nh khởi kiện, yêu cầu bà Chiêm Thị P trả vay tài sản có kỳ hạn và có lãi. Đây là các giao dịch dân sự được quy định tại Điều 463, khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết:

[2.1] Đối với số tiền vốn gốc: Căn cứ vào Biên bản hòa giải không thành ngày 11/7/2019, lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa hôm nay thì việc giao dịch của nguyên đơn Nguyễn Hà Nh và bị đơn Chiêm Thị P diễn ra như sau:

Bà Nh cho bà P vay 50.000.000đồng, cụ thể là ngày 18/01/2017(âl) vay 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) và ngày 28/01/2017 (âl) vay 10.000.000đ (mười triệu đồng); lãi suất 5%/tháng, thời hạn thanh toán trong vòng 1 tháng kể từ ngày 18/01/2017 (âl); điều này được thể hiện tại chứng cứ Tòa án thu thập được là Cuốn sổ ghi chép của bà Nh có chữ ký của bà Chiêm Thị P, được bà P thừa nhận đúng là chữ ký của bà, nên bà Nh không phải chứng minh.

Xét khi giao kết hợp đồng vay tài sản, bà Nh và bà P là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, giao kết hợp đồng dựa trên cơ sở tự nguyện của hai bên. Từ các căn cứ nêu trên, đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, có cơ sở khách quan để kết luận việc giao dịch dân sự giữa các bên đối

với số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) vào các ngày 18/01/2017(âl) và ngày 28/01/2017 là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi.

Đến ngày 18/7/2017(âl), bà P có trả cho bà Nh 10.000.000đ (mười triệu đồng), đối với việc này, bà Nh thừa nhận có nhận số tiền nêu trên nhưng bà Nh cho rằng bà P nợ tiền hụi nên số tiền này bà Nh trừ cấn vào tiền hụi. Tuy nhiên, bà P không đồng ý còn nợ tiền hụi của bà Nh và số tiền trả 10.000.000đ (mười triệu đồng) là trả tiền vay theo thỏa thuận với bà Nh vào ngày 01/7/2017 (âl). Như vậy cho thấy, số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) bà Nh đã nhận là tiền vốn gốc bà P đã thanh toán, nên lời trình bày của bà P là có cơ sở. Do đó, xác định số tiền vốn gốc bà P còn nợ của bà Nh còn là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) là sự thật. Trong trường hợp, bà Nh cho rằng bà P có nợ tiền hụi, thì bà Nh phải yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác thì mới đúng theo quy định pháp luật

[2.2] Đối với tiền lãi: Về thời điểm cho vay và số tiền lãi, hai bên không thống nhất với nhau. Nhận thấy, bà P cho rằng vay của bà Nh 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) nhiều lần, lần đầu khoảng tháng 3/2017(âl) và đã đóng lãi cho bà Nh 104.000.000đồng, bà Nh không đồng ý có nhận tiền lãi. Anh C, em T trình bày là có đem tiền cho bà Nh nhưng không biết tiền gì và cụ thể bao nhiêu lần, tổng cộng bao nhiêu tiền, giao không có ký nhận và bà Nh không thừa nhận có nhận số tiền nêu trên, đồng thời trong khoản thời gian đó, giữa bà Nh và bà P có giao dịch với nhau nhiều mối quan hệ, vay có, hụi có. Ngoài lời trình bày của anh C và em T ra, bà P không có giấy tờ, chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ, Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa những người làm chứng và chị P đều không xác định được cụ thể số tiền lãi đã đóng cho bà Nh cụ thể như thế nào, mỗi người đóng bao nhiêu, mà bà P cộng dồn số tiền lãi đã thỏa thuận trên số tháng mình vay theo phỏng đoán cá nhân để ra tổng số tiền là 104.000.000đ (một trăm lẻ bốn triệu đồng) là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, do bà P không cung cấp chứng cứ chứng minh ý kiến phản đối của mình là có căn cứ và hợp pháp nên chấp nhận theo lời trình bày của nguyên đơn, Tòa án xác định bà P đã vay của bà Nh là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), cụ thể là ngày 18/01/2017(âl) vay 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) và ngày 28/01/2017(âl) vay 10.000.000đ (mười triệu đồng); lãi suất 5%/tháng, thời hạn thanh toán trong vòng 1 tháng kể từ ngày

18/01/2017 (âl). Đến ngày 18/7/2017(âl) đã trả 10.000.000đ (mười triệu đồng). Do đó, xác nhận số tiền vay còn lại là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) là có căn cứ. Tại phiên tòa, bà Nh rút yêu cầu tính lãi suất, do đây là sự tự nguyện của bà Nh nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Nh có đơn yêu cầu thi hành án, bà P phải trả lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

[3] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần, bà P phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ thanh toán, bà Nh phải chịu án phí trên yêu cầu không được chấp nhận quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Hà Nh đối với bị đơn Chiêm Thị P, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Chiêm Thị P có nghĩa vụ trả cho bà Nh số tiền vay là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nh về việc không yêu cầu tính lãi suất.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nh đối với số tiền vay là 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Nh có đơn yêu cầu thi hành án, bà P phải trả lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Chiêm Thị P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Bà Nguyễn Hà Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.541.000đ (một triệu năm trăm bốn mươi mốt nghìn đồng), theo Biên lai thu số 0007818 ngày 20/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu; bà Nh được nhận lại tiền tạm ứng án phí còn thừa là 1.041.000đ (một triệu không trăm bốn mươi mốt nghìn đồng).

3. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VÕ THỊ HIẾU